

Bản án số: 27/2022/HS-ST  
Ngày: 28/11/2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T- TỈNH THANH HOÁ

*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hạnh.

Ông Lê Văn Tú

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thư ký tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố T tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 1/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

**Phạm Văn L**, sinh năm 1999 ; HKTT và nơi cư trú: Xóm Đ, xã Y2, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 08/12; Con ông: Không xác định; Con bà: Phạm Thị Ch, sinh năm: 1979; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con đầu; Chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 30/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tuyên phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 13/10/2019; Ngày 07/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình tuyên phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt cả hai tội là 33 tháng tù, chấp hành xong án phạt tù ngày 24/5/2022; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/9/2022 Công an TP Ninh Bình khởi tố bị can về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo đang bị tạm giam theo lệnh tạm giam số 70/LTG ngày 07/9/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP N. Có mặt tại phiên tòa.

**Đinh Văn V**, sinh năm 1999 ; HKTT và nơi cư trú: Xóm Th, xã Yên T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:

Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 08/12; Con ông: Đinh Văn Am, sinh năm: 1968; Con bà: Phạm Thị Thoa, sinh năm: 1968; Gia đình có 02 anh em, Bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 04/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tuyên phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 20/12/2019; Ngày 27/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án bị cáo phạm tội chưa đến 2 triệu nhưng do chưa được xóa án tích nên bị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS để quyết định hình phạt 12 tháng tù) chấp hành xong án phạt tù ngày 09/9/2021; Tiền sự: Ngày 07/8/2020 Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 03/9/2020 Công an xã Y1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ; Ngày 26/4/2022 Công an xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Nhân thân: Ngày 16/5/2017 Công an xã Yên Từ, huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 20/7/2017 Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 11/10/2017 Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 26/5/2019 Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2022 đến ngày 24/8/2022 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Anh Tạ Văn T1, sinh năm 1971; “Vắng mặt”  
Địa chỉ: SN 572 N 2, phường T, TP T, tỉnh Thanh Hóa  
(Anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Văn Đ, sinh năm: 1987 . “Vắng mặt”.  
Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên Khoảng 04 giờ sáng, ngày 08/7/2022 Phạm Văn L điều khiển xe mô tô Dream (Không xác định được BKS) rủ Đinh Văn V đi đến Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa để trộm cắp tài sản, V đồng ý. Trên đường đi L đổi lái cho V điều khiển xe. Đến 8 giờ sáng cùng ngày khi đến nhà anh Tạ Văn T1, địa chỉ: SN 572 N2, phường T, TP T, tỉnh Thanh Hóa. L phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu trắng đen, BKS 36B1-324.31 đang dựng trước cửa nhà, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa, quan sát không thấy người trông coi nên L ra hiệu cho V dừng xe sang bên đường đứng cảnh giới, L vào lấy xe mô tô rồi nổ máy điều khiển xe đi về hướng Ninh Bình, V điều khiển xe Dream theo sau L. Trên đường đi L mở cốp xe kiểm tra bên trong có 01 đăng ký xe BKS 36B1-324.31 mang tên Công ty TNHH Ng. Sau đó cả hai mang xe vừa trộm cắp được đến nhà anh Lê Văn

Đ đề chào bán xe mô tô, L nói với anh Đ đây là xe mô tô L mua nhưng chưa sang tên đổi chủ, thấy L đưa cả chứng minh thư nên anh Đ đồng ý mua xe giá 2.600.000đ. Số tiền trên L và V chia đôi mỗi bị cáo hưởng 1.300.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Chiếc xe mô tô xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 36B1-324.31, đăng ký xe mang tên Công ty TNHH N do anh Tạ Văn T1 là giám đốc, chiếc xe hiện do anh T1 quản lý và sử dụng. Nên ngày 08/7/2022, anh Tạ Văn T1 có đơn trình báo Công an phường T về việc bị mất cấp tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 118/KL-HĐĐGTS ngày 03/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản - UBND TP. T định giá xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 36B1-32431 giá trị 4.000.000đ.

Ngày 18/8/2022 Đinh Văn V đến Cơ quan điều tra Công an TP T đầu thú khai nhận T1 bộ hành vi phạm tội của mình.

### **Về vật chứng của vụ án và phần bồi thường dân sự:**

- Ngày 18/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an TP. T đã trả lại chiếc xe mô tô BKS 36B1-324.31 cho anh Tạ Văn T1 là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe. Anh T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự.

Bị cáo V đã trả cho anh Đ số tiền 1.500.000 đồng (như vậy, bị cáo V đã bồi thường thay cho bị cáo L 200.000 đồng), số tiền còn thiếu 1.100.000 đồng anh Đ yêu cầu bị cáo L bồi thường cho anh.

Đối với chiếc xe Dream không xác định được Biên kiểm soát dùng làm phương tiện khi đi trộm cắp, bị cáo L khai là mua trên mạng có giấy tờ nhưng đã làm mất, L cũng không nhớ đã mua của ai, lai lịch địa chỉ ở đâu. Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo đã bán chiếc xe cho một người không rõ lai lịch, địa chỉ để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với anh Lê Văn Đ là người mua xe trộm cắp thì khi mua anh không biết là tài sản trộm cắp cũng không có căn cứ nào chứng minh anh Đ biết đây là tài sản trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý

Tại bản Cáo trạng số 278/CTr-VKS ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS và bị cáo Đinh Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá.

Bị cáo Đinh Văn V tự nguyện không yêu cầu bị cáo L phải hoàn trả số tiền 200.000 đồng bị cáo V đã bồi thường cho anh Lê Văn Đ thay cho bị cáo L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo V và điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo L; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với cả hai bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù đối với bị cáo L; 18 đến 24 tháng tù đối với bị cáo V. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm Sát . Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra và các vật chứng thu được trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ và cơ sở để kết luận:

Khoảng 8 giờ ngày 08/7/2022 tại SN 572 phố Nghĩa Sơn 2, phường T, TP Thanh Hóa. Phạm Văn L và Đinh Văn V đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Tạ Văn T1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, BKS 36B1-324.31 trị giá 4.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2019, Bị cáo L bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 13/10/2019; Chưa được xóa án tích, Ngày 07/5/2020 Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình tuyên phạt 33 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong án phạt tù ngày 24/5/2022. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay bị cáo lại phạm tội do lỗi cố ý.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi của bị cáo Phạm Văn L có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS; hành vi của bị cáo Đinh Văn V có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS như đề nghị của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe và có khả năng nhận thức về hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội. Nhưng chỉ muốn hưởng lợi không bằng sức lao động của bản thân, các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, thể hiện các bị cáo là người rất liêu lĩnh, xem thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vị trí, vai trò đồng phạm: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn bởi các bị cáo đều cùng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên bị cáo L là người khởi xướng, là người chuẩn bị phương tiện, rủ bị cáo bị cáo V đi trộm cắp, bị cáo V là đồng phạm giúp sức cùng bị cáo L để thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo L cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo V.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo L có tình tiết tái phạm nguy hiểm nhưng đây tình tiết định khung hình phạt nên không được coi tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Khoản 2 Điều 52 BLHS.

Ngày 04/7/2019, bị Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tuyên phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 20/12/2019; Ngày 27/11/2020, bị Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án bị cáo phạm tội chưa đến 2 triệu nhưng do chưa được xóa án tích nên bị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS để quyết định hình phạt 12 tháng tù) chấp hành xong án phạt tù ngày 09/9/2021. Chưa được xóa án tích nay bị cáo lại phạm tội mới. Nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; Bị cáo V đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, đã đầu thú; Nên bị cáo V được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo L được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Tạ Văn T1 đã nhận được tài sản và không yêu cầu gì thêm nên công nhận phần dân sự giữa các bị cáo và bị hại đã được giải quyết xong.

Đối với anh Lê Văn Đ là người đã mua chiếc xe mô tô của L và V đã trộm cắp với giá 2.600.000 đồng. V đã bồi thường 1.500.000 đồng, còn thiếu 1.100.000 đồng anh Đ đề nghị bị cáo L phải bồi thường cho anh. Xét yêu cầu của anh Lê Văn

Đ là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của anh Đ. Buộc bị cáo Phạm Văn L phải bồi thường cho anh Đ số tiền 1.100.000 đồng.

Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo V đã bồi thường cho anh Lê Văn Đ thay cho bị cáo L. Tại phiên tòa bị cáo V đã tự nguyện không yêu cầu bị cáo L hoàn trả số tiền này, nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo V, không buộc bị cáo L phải hoàn trả số tiền này cho bị cáo V.

Về chiếc xe Dream của Bị cáo L dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Bị cáo L đã bán cho một người không rõ lai lịch, địa chỉ nên Công an không thu hồi được, nên sẽ xử lý sau khi có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Điều g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Phạm Văn L; Khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Đinh Văn V, Điều 38; Điều 58 BLHS; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS; Điều a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo; Điều c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ; Điều 584 BLDS 2015 đối với bị cáo Phạm Văn L.

**Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Văn L và Đinh Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”

**Xử phạt:** Bị cáo Phạm Văn L 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Bị cáo Đinh Văn V 18 (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 15/8/2022

#### **Về Trách nhiệm dân sự:**

Công nhận phần dân sự giữa các bị cáo với bị hại đã giải quyết xong.

Buộc bị cáo Phạm Văn L phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Văn Đ số tiền 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải trả lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

**Về án phí:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo L phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

**Quyền kháng cáo:** Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP.T;
- Công an TP.T;
- Thi hành án HS, DS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Long**